

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách trình kỳ họp thứ 17 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2023) Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026
(Trình kỳ họp thứ 17 HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (Ban KT-NS) đã thẩm tra các báo cáo và hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 17 HĐND tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Qua nghiên cứu các tài liệu của UBND tỉnh, các sở, ban ngành liên quan, tiếp thu ý kiến cử tri và ý kiến tham gia của các đại biểu dự họp, Ban KT-NS báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TRÌNH KỲ HỌP

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Ban KT-NS cơ bản nhất trí với báo cáo đánh giá kết quả đạt được của UBND tỉnh. Năm 2023, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm và hành động cụ thể của các cấp, các ngành, đội ngũ doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực như: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 3,46%, (thấp hơn 4,54 điểm % so với KH); Thu ngân sách nhà nước ước đạt 2.009,8 tỷ đồng, so với dự toán TW giao đạt 84,9%, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 70,8%, so với cùng kỳ năm trước đạt 50,8% (Trong đó: Thu nội địa 1.205,65 tỷ đồng, đạt 91,3% dự toán TW giao; đạt 73,6% dự toán HĐND giao; bằng 93,44% so với năm trước; Thu XNK 790 tỷ đồng, đạt 75,4% dự toán TW giao; đạt 65,8% dự toán HĐND giao; bằng 29,8% so với năm trước). Hoạt động tín dụng ngân hàng tương đối ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Ban KT-NS đề nghị bổ sung, làm rõ một số vấn đề sau:

(1) Đề nghị rà soát số liệu báo cáo để thống nhất giữa báo cáo của UBND tỉnh và báo cáo của các sở, ban, ngành.

(2) Có 11/17 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, có 6 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, thuộc lĩnh vực kinh tế có 5 chỉ tiêu (Tốc độ tăng trưởng GRDP, Thu nhập bình quân đầu người, Giá trị sản phẩm trên 1 đơn vị diện tích, Thu ngân sách nhà nước, Tổng vốn đầu tư toàn xã hội). Đề nghị UBND tỉnh phân tích, đánh giá rõ thêm những nguyên nhân khách quan, chủ quan, những khó khăn vướng mắc và đưa ra các giải pháp cụ thể phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

(3) Toàn tỉnh hiện có 97 sản phẩm OCOP đã được công nhận đạt hạng 3 sao, 4 sao, đề nghị UBND tỉnh cần đánh giá cụ thể đối với các sản phẩm đặc sản, đặc hữu của địa phương, việc hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

(4) Năm 2024 là năm gần cuối nhiệm kỳ, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, rà soát các chỉ tiêu có khả năng không đạt kế hoạch, từ đó phân tích, đánh giá, làm rõ thêm những nguyên nhân, tồn tại hạn chế và tổ chức chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành một số chỉ tiêu cụ thể sau:

+ Chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) mục tiêu 8%/năm, năm 2021 là 3,34%, năm 2022 là 5,04%, năm 2023 dự kiến là 3,46%.

+ Chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng, tuy nhiên hiện nay mục tiêu năm 2024 mới là 46,98 triệu đồng (năm 2020 là 35,7 triệu đồng, năm 2021 là 37,18 triệu đồng, năm 2022 là 39,48 triệu đồng, năm 2023 dự kiến 43 triệu đồng).

(5) Tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công đến ngày 31/10/2023 đạt 28,6% KH, đề nghị UBND tỉnh cho biết các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư trong những tháng cuối năm 2023 và làm rõ trách nhiệm của các chủ đầu tư được giao vốn, đặc biệt là số vốn các dự án quan trọng năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2023.

Ban KTNS đề nghị các Đại biểu HĐND tỉnh, nghiên cứu, thảo luận.

II. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước Năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024.

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023

Dự toán ngân sách năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định, Tổng thu trên địa bàn: 2.838 tỷ đồng¹; thu NSDP 13.289,009 tỷ đồng²; Chi NSDP: 13.277.709 triệu đồng.

(1) Kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn và thu NSDP năm 2023

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2023 ước đạt 2.009,8 tỷ đồng (70,8% dự toán), trong đó:

- Thu nội địa ước đạt 1.205,65 tỷ đồng (73,6% dự toán). Có một số khoản thu ước đạt cao là: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 358,342 tỷ đồng (104% DT); Thu phí, lệ phí ước đạt 95,319 tỷ đồng (133% DT); Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước ước đạt 44,224 tỷ đồng (133% DT); Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 123,427 tỷ đồng (269% DT)...

Tuy nhiên, còn một số khoản thu ước không đạt dự toán: Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý ước đạt 108,894 tỷ đồng (54% DT); Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý ước đạt 54,110 tỷ đồng (56% DT); Thuế

¹ Trong đó: thu nội địa là 1.638 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 1.200 tỷ đồng.

² Trong đó: thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 1.527,546 tỷ đồng; bổ sung từ ngân sách cấp trên: 11.761,463 tỷ đồng

bảo vệ môi trường ước đạt 71,972 tỷ đồng (55% DT); Thu tiền sử dụng đất ước đạt 100 tỷ đồng (20% DT)...

Thu cân đối cả năm ước được 1.068,261 tỷ đồng, đạt 70% DT. Đến hết tháng 10/2023 thu cân đối mới đạt 854,358 tỷ đồng đạt 56%.

- Thu xuất nhập khẩu cả năm ước đạt 790 tỷ đồng (65,8% DT).

Báo cáo của UBND tỉnh cũng nêu nguyên nhân số thu ngân sách toàn tỉnh dự kiến đạt thấp do: các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do ảnh hưởng thời tiết khô hạn kéo dài trong những tháng đầu năm; các đơn vị khai thác chế biến khoáng sản, hoạt động cầm chừng và dừng hoạt động do giá bán sản phẩm fero mangan trên thị trường giảm; việc xây dựng dự toán thu nội địa chưa có tính toán số thu giảm do các chính sách miễn, giảm thuế.

Tuy nhiên cần đánh giá, phân tích những hạn chế trong công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn của tỉnh với các huyện, Thành phố để triển khai thực hiện đấu giá đất, đấu giá các mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

(2) Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương

Theo báo cáo của UBND tỉnh, chi ngân sách địa phương ước thực hiện cả năm ước đạt 13.321 tỷ đồng (100,3% dự toán), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 4.745,557 tỷ đồng; Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp ước đạt 8.574,143 tỷ đồng (102,5% dự toán).

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh cho rằng số liệu ước thực hiện chưa sát thực tế, do chi ngân sách địa phương thực hiện đến 31/10/2023 là 5.967,272 tỷ đồng (45% dự toán), trong đó: chi đầu tư phát triển là 1.329,4 tỷ đồng (30% dự toán); Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp là 4.636,572 tỷ đồng (55% dự toán). Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung các nội dung sau:

- Việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp *(tính cả dự phòng thì toàn tỉnh còn 1.536,508 tỷ đồng chưa được phân bổ ngay từ đầu năm, trong đó: cấp tỉnh là 700,251 tỷ đồng; cấp huyện là 836,257.26 tỷ đồng)*;

- Ước số thu cân đối cả năm không đạt dự toán, thì sẽ giảm tương ứng nhiệm vụ chi của các cơ quan, đơn vị không;

(3) Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách Dự phòng NS tỉnh năm 2023

HĐND tỉnh đã quyết định là 71,015 tỷ đồng, theo báo cáo của UBND tỉnh thì đến 30/10/2023 UBND tỉnh đã quyết định sử dụng theo thẩm quyền 14,327 tỷ đồng, nội dung chi theo đúng quy định của Luật NSNN. Số chưa sử dụng là 56,688 tỷ đồng (trong đó tồn tại các đơn vị dự toán là 50.173 triệu đồng).

Ban KTNS đề nghị: UBND tỉnh báo cáo giải trình, báo cáo bổ sung lý do tồn tại các đơn vị dự toán là 50.173 triệu đồng.

(4) Về các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Ban KTNS đề nghị: UBND tỉnh báo cáo bổ sung về hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách³. Trong đó lưu ý việc rà soát, đánh giá đề cơ cấu, sắp xếp lại đối với các quỹ hoạt động không hiệu quả; phương án tăng vốn điều lệ đối với các quỹ có nhu cầu và để đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024

Ban KTNS cơ bản nhất trí với nội dung báo cáo đã đánh giá, tuy nhiên còn một số ý kiến bổ sung như sau:

(1) Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách, xây dựng các phương án đảm bảo thích ứng kịp thời với những thay đổi chính sách ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách địa phương; Kiểm tra đôn đốc việc phân bổ dự toán ngay từ đầu năm, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chế độ, định mức tại các đơn vị dự toán.

(2) Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản để triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các Chương trình mục tiêu Quốc gia, hạn chế chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

(3) Ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư được tiếp cận, triển khai các dự án trung tâm thương mại, nhà ở đô thị... nhằm ổn định thị trường bất động sản, tăng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách địa phương.

III. Báo cáo đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2024

Ban KTNS cơ bản nhất trí với đánh giá của UBND tỉnh, đã thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện, qua đó đạt được một số kết quả chính như sau:

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, đã ban hành mới 82 văn bản; sửa đổi, bổ sung 18 văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu nội bộ. Thực hiện tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo đúng chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (tiết kiệm được 139,824 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch);

UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát xe ô tô, quản lý chặt chẽ, bố trí sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo tiêu chuẩn định mức; Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Tuy nhiên, Ban KTNS thấy trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 còn một số vấn đề cần được UBND tỉnh báo cáo bổ sung và có bổ sung giải pháp để triển khai thực hiện ở năm 2024, cụ thể:

³ Quy định tại Khoản 5, điều 12 Nghị định 163/2016/NĐ-CP.

(1) Kinh phí tiết kiệm được trong đầu tư xây dựng đạt được còn thấp, cụ thể: Tiết kiệm từ thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán là 364 triệu đồng (*bằng 8% so với năm 2022*); Tiết kiệm từ thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh là 6,738 tỷ đồng (*bằng 29% so với năm 2022*);

(2) UBND tỉnh chưa báo cáo kinh phí tiết kiệm được qua công tác thẩm tra, quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn NSNN trên địa bàn tỉnh. Đề nghị báo cáo bổ sung với HĐND tỉnh;

(3) Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án đạt thấp gây lãng phí việc sử dụng đất⁴. Công tác giao thuê đất: chưa đánh giá việc sử dụng đất của các đơn vị được giao đất, cho thuê đất có đúng quy định không?; Số hồ sơ các cơ quan chức năng đã nhận được nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất hiện nay là bao nhiêu, việc chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất thì gây lãng phí về sử dụng đất thế nào?

(4) Trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: báo cáo của UBND tỉnh chưa có thuyết minh các nội dung để khẳng định hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ, tác động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đối với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

B. ĐỐI VỚI CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Nghị quyết phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đúng thời hạn, đủ thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình và HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định về phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của từng cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, trong đó:

⁴ về thu hồi, chỉ đạt 240/599 (40%) số công trình; 199,74/1.766,41ha (11,31%) số diện tích; về chuyển mục đích sử dụng đất: được là 80/316 số công trình, dự án (25,40%), trong đó: chuyển đất trồng lúa đạt 12,06%, đất rừng phòng hộ đạt 12,92%, đất rừng đặc dụng đạt 0% về diện tích

- Ngân sách cấp tỉnh: Nhiệm vụ chi thường xuyên, bao gồm: 08 hoạt động chi với 26 nhiệm vụ chi cụ thể; Chi đầu tư phát triển, bao gồm: 06 hoạt động chi với 08 nhiệm vụ chi cụ thể.

- Ngân sách cấp huyện: Nhiệm vụ chi thường xuyên, bao gồm: 07 hoạt động chi với 10 nhiệm vụ chi cụ thể; Chi đầu tư phát triển, bao gồm: 03 hoạt động chi với 04 nhiệm vụ chi cụ thể.

- Ngân sách cấp xã: Nhiệm vụ chi thường xuyên, bao gồm: 07 hoạt động chi với 08 nhiệm vụ chi cụ thể; Chi đầu tư phát triển, bao gồm: 03 hoạt động chi với 03 nhiệm vụ chi cụ thể.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Đề nghị UBND tỉnh đánh giá việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua; việc chưa ban hành, chậm ban hành Nghị quyết nhưng việc phân bổ kinh phí, thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường vẫn được thanh toán, quyết toán trong thời gian qua thì có trái quy định pháp luật không? Từ đó, bổ sung thêm nội dung để thuyết phục hơn về sự cần thiết ban hành Nghị quyết.

(2) Về phạm vi điều chỉnh (khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết) chưa làm nổi bật được việc phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa phạm vi điều chỉnh thành: *Nghị quyết này quy định việc phân định cụ thể nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

(3) Đối với nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường ngân sách cấp tỉnh:

- Bổ sung nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường từ ngân sách cấp tỉnh đối với nhiệm vụ *“Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của địa phương”* cho phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 152 và điểm b khoản 2 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

- Bổ sung nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường từ ngân sách cấp tỉnh đối với nhiệm vụ *“Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu”* cho phù hợp với quy định tại điểm k khoản 9 Điều 152 và điểm đ khoản 1 Điều 153 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

- Đối với điểm c khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa theo quy định tại khoản điểm a khoản 3 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (đang thiếu nội dung *“đầu tư công trình vệ sinh*

công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do địa phương quản lý”).

(4) Đối với nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường ngân sách cấp huyện:

- Đề nghị sắp xếp, bố cục các nhiệm vụ chi theo nhóm hoạt động bảo vệ môi trường (Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Rà soát từng nhiệm vụ chi; Lập bảng tổng hợp chứng minh nhiệm vụ chi đối với cấp huyện là phù hợp về hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương; phù hợp về trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của UBND cấp huyện.

(5) Đối với nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường ngân sách cấp xã:

- Đề nghị sắp xếp, bố cục các nhiệm vụ chi theo nhóm hoạt động bảo vệ môi trường (Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Rà soát từng nhiệm vụ chi; Lập bảng tổng hợp chứng minh nhiệm vụ chi đối với cấp huyện là phù hợp về hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương; phù hợp về trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của UBND cấp huyện.

- Dự thảo Nghị quyết đang quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường ngân sách cấp xã gồm rất nhiều nhiệm vụ chi (*bao gồm: Nhiệm vụ chi thường xuyên, gồm: 07 hoạt động chi với 08 nhiệm vụ chi cụ thể; Chi đầu tư phát triển, gồm: 03 hoạt động chi với 03 nhiệm vụ chi cụ thể*). Trong khi đó, ngân sách cấp xã không thể đáp ứng các nhiệm vụ chi như vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã cho phù hợp.

(6) Đối với nguồn kinh phí thực hiện (Điều 5 của dự thảo Nghị quyết) đang nêu: Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, nguồn vốn xã hội hóa và nguồn vốn khác.

Đề nghị làm rõ nguồn vốn khác ở đây là gì? Trường hợp nguồn vốn khác đã trùng với nguồn vốn xã hội hóa cho bảo vệ môi trường thì không cần thiết quy định thêm nguồn vốn khác.

II. Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh đúng thời hạn, đủ thành phần theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản pháp luật mới được ban hành.

3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

Theo Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Biểu khung) có 40 loại, 43 khoáng sản được quy định mức thu phí bảo vệ môi trường. UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết có 35 loại (giảm 05 loại), 38 khoáng sản (giảm 05 khoáng sản) được quy định mức thu phí bảo vệ môi trường. Trong đó, 14 khoáng sản có mức thu bằng mức thu cao nhất của biểu khung; 06 khoáng sản có mức thu cao hơn mức trung bình của biểu khung (gần mức tối đa); 14 khoáng sản có mức thu bằng mức trung bình của biểu khung và 04 khoáng sản có mức thu nhỏ hơn mức trung bình của biểu khung (nhỏ hơn không đáng kể).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Tại mục III khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị sửa cụm từ “Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu” thành “Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản” để phù hợp với quy định tại Điều 67 Luật Khoáng sản và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ.

(2) Có 14 khoáng sản được xác định mức thu phí bảo vệ môi trường bằng mức cao nhất của Biểu khung và 06 khoáng sản có mức thu cao hơn mức trung bình của biểu khung (gần mức tối đa), đề nghị xem xét mức thu có thể giảm hơn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn, suy thoái kinh tế; phù hợp với giá trị khoáng sản và mức độ tác động tới môi trường (mangan; vàng; bauxit; chì - kẽm; niken - đồng; sỏi; các loại khoáng sản kim loại, không kim loại khác...).

(3) Trên địa bàn tỉnh có loại khoáng sản đặc trưng là cát đồi, sản xuất nhân tạo, đề nghị xác định rõ đối tượng này có thuộc nhóm các loại cát khác để kịp thời hướng dẫn các đơn vị được cấp phép thực hiện khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

(4) Có 05 khoáng sản không có quy định mức thu phí bảo vệ môi trường so với Nghị định 27/2023/NĐ-CP (quặng đất hiếm; than; Talc, diatomit; Graphit, sericit); có 08 khoáng sản được quy định mức thu phí bảo vệ môi trường trong dự thảo Nghị quyết nhưng chưa hoặc có thể không phát sinh khai thác trên địa bàn tỉnh (cromit; đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ; đá hoa trắng làm bột carbonat; cát trắng; Apatit; kim cương, rubi, sapphire; Opan...). Đề nghị bổ sung đầy đủ theo Nghị định 27/2023/NĐ-CP nhằm thực hiện quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định 27/2023/NĐ-CP (thu phí bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua khoáng sản ở tỉnh khác nhưng hạch toán kê khai tại tỉnh Cao Bằng).

(5) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác vật liệu xây dựng thông thường đều tăng so với mức thu được quy định tại Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh, trong khi đó, giá vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đang ở mức cao so với các tỉnh khác,

đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp nhằm hạ giá vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh.

Ban KTNS đề nghị HĐND tỉnh xem xét và quyết định.

III. Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 đúng thời hạn, đủ thành phần theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh trình và HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất⁵.

3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng dùng để tính giá đất cụ thể trên cơ sở giá đất phổ biến trên thị trường và bảng giá đất do HĐND tỉnh thông qua (Nghị quyết số 33/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021), cụ thể:

(1) Có 04 huyện giữ nguyên hệ số điều chỉnh so với năm 2023 gồm: Thành phố, các huyện: Quảng Hòa, Hà Quảng, Nguyên Bình.

(2) Có 06 huyện có sự thay đổi về hệ số điều chỉnh giá đất, cụ thể:

- Huyện Bảo Lâm: Đất ở nông thôn: 07 xã tăng hệ số từ 1,1 lên 1,15: Lý Bôn, Vĩnh Quang, Yên Thổ, Nam Quang, Thạch Lâm, Thái Sơn, Thái Học; 05 xã có hệ số bằng năm 2023; Đất ở đô thị: Các tuyến có hệ số từ 1,2 tăng lên 1,3; các tuyến có hệ số 1,1 và 1,15 tăng lên 1,2.

- Huyện Bảo Lạc: Đất ở nông thôn: hệ số tăng từ 1,1 lên 1,15; Đất ở đô thị: hệ số tăng từ 1,15 lên 1,2.

- Hòa An: Đất ở nông thôn: hệ số bằng năm 2023; Đất ở đô thị: Tăng thêm 12 tuyến đường ở xã Bế Triều cũ và xã Hồng Việt cũ từ hệ số 1,0 lên hệ số 1,2 bằng các tuyến đất ở đô thị.

⁵ Công văn số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/2/2023 về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất

- Huyện Hạ Lang: Đất ở nông thôn: Tăng thêm 18 tuyến đường ở các xã từ hệ số 1,0 lên hệ số 1,15 bằng các tuyến đất ở nông thôn; Đất ở đô thị: Tăng thêm 5 tuyến đường có hệ số 1,2 bằng các tuyến đất ở đô thị.

- Huyện Thạch An: Đất ở nông thôn: Tăng thêm 108 tuyến đường ở các xã từ hệ số 1,0 lên hệ số 1,1 bằng các tuyến đất ở nông thôn; Đất ở đô thị: Có 2 tuyến tăng hệ số từ 1,15 lên 1,2; Tăng thêm 16 tuyến từ hệ số 1,0 lên hệ số 1,15 bằng các tuyến đất ở đô thị.

- Huyện Trùng Khánh: Đất ở nông thôn: hệ số bằng năm 2023; Đất ở đô thị: Tăng thêm 4 tuyến đường từ hệ số 1,0 lên hệ số 1,15 ở thị trấn Trà Lĩnh bằng với hệ số tại thị trấn Trùng Khánh.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Về quan điểm xây dựng Nghị quyết: Theo Tờ trình số 3096/TTr-UBND ngày 13/11/2023: Việc xây dựng Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh được xây dựng **phù hợp giá đất trên thị trường** và các quy định hiện hành về đất đai, tuy nhiên, các hệ số điều chỉnh giá đất được UBND tỉnh xây dựng chưa sát, thấp hơn nhiều so với thực tế.

(2) Đối với huyện Quảng Hòa: hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn đều là 1,0, trong khi đó các huyện, thành phố còn lại, nhiều vị trí đất ở tại nông thôn đều có hệ số là 1,1; 1,15 (*trong khi về mặt bằng chung, Quảng Hòa có vị trí địa lý thuận lợi hơn nhiều huyện trong tỉnh*). Đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo, làm rõ thêm.

(3) Đối với huyện Bảo Lâm: 02 tuyến đường năm 2024 có hệ số điều chỉnh giá đất tăng từ 1,2 lên 1,3 (*thành 02 tuyến có hệ số điều chỉnh giá đất cao nhất trên địa bàn tỉnh, cao hơn cả các tuyến thành phố Cao Bằng (thành phố đa phần có hệ số 1,2; còn lại 1,1)*). Hệ số điều chỉnh giá đất được xác định căn cứ vào giá đất phổ biến trên thị trường, **điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể tại địa phương** và giá đất trong bảng giá đất, so sánh về điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố và huyện Bảo Lâm, đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo, làm rõ thêm.

(4) Đề nghị báo cáo, làm rõ thêm cơ sở tính hệ số điều chỉnh giá đất; cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xác định hệ số điều chỉnh giá đất tại các huyện, thành phố.

Ban KTNS, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. Nghị quyết Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Hồ sơ trình thẩm tra

UBND tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trên địa bàn đầy đủ, đúng thời gian.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và

đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ Tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- **Bố cục:** Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 02 Điều và có phụ lục chi tiết kèm theo, trong đó:

+ Điều 1. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- **Nội dung:** Quy định cụ thể danh mục là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của địa phương mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: GD&ĐT; giáo dục nghề nghiệp; y tế; VH,TT&DL; thông tin và truyền thông; KH&CN; TN&MT; GTVT; NN&PTNT; công thương; xây dựng; LĐTB&XH; tư pháp và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Về thể thức văn bản: đề nghị bố cục lại nội dung các Điều của dự thảo nghị quyết, cụ thể:

- Điều 1 của dự thảo Nghị quyết giữ nguyên;

- Điều 2 của dự thảo nghị Nghị quyết điều chỉnh thành:

“Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.

(2) Về nội dung, đề nghị:

- Đề phù hợp với Phụ lục I kèm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, đề nghị Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết bỏ cột: “Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng...”; Điều chỉnh lại tên của danh mục số thứ tự 3, mục E, phần VIII.

(3) Đối với các nội dung dịch vụ khác: Theo giải trình của Sở Tài chính tại cuộc họp thẩm tra thì: sau cuộc làm việc với Ban KTNS⁶, Sở Tài chính đã tổ chức cuộc họp với Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ngành thống nhất các danh mục sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng và xác định được “dịch vụ khác” của một số ngành, lĩnh vực.

Ban KTNS đề nghị:

⁶ (theo Kế hoạch 477/KH-HĐND ngày 26/10/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về khảo sát tình hình xây dựng các dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Tài chính - ngân sách trình tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023)

- Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua đầy đủ các danh mục đã xác định. Còn các nội dung dịch vụ chưa xác định được của các lĩnh vực; hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác thì đưa ra khỏi dự thảo.

- Cung cấp căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn để đề nghị HĐND tỉnh xem xét danh mục các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được chuyển từ “dịch vụ khác” sang dịch vụ xác định cụ thể.

Ban KTNS, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

V. Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024

1. Hồ sơ dự thảo nghị quyết

Hồ sơ dự thảo nghị quyết đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ khoản 3, Điều 45, Luật Đất đai; điểm đ, khoản 4, Điều 9, Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

Thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 đối với 531 dự án (tổng diện tích là 1.561,52 ha), trong đó: 323 dự án chuyển tiếp từ năm 2023, 208 dự án đăng ký mới năm 2024.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Theo quy định tại khoản 6, Điều 46, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: căn cứ thông qua nghị quyết và kế hoạch sử dụng đất, các văn bản ghi vốn và văn bản liên quan đến xác định quy mô địa điểm. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo rõ số công trình dự án đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh thông qua.

(2) Một số công trình chuyển tiếp nhưng có điều chỉnh diện tích, đề nghị UBND tỉnh làm rõ cơ sở, căn cứ pháp lý thực hiện việc điều chỉnh diện tích thu hồi của các dự án? Làm rõ danh mục các công trình chuyển tiếp mà có điều chỉnh diện tích và cụ thể số liệu tăng, giảm diện tích; nguyên nhân, căn cứ?

Cụ thể: Khu Tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng: năm 2023 HĐND tỉnh thông qua thu hồi diện tích 20,27 ha, nhưng dự thảo Nghị quyết năm 2024 giảm xuống còn 11,77 ha; Dự án mặt bằng tổng thể Khu công nghiệp Chu Trinh (phần diện tích còn lại): năm 2023 HĐND tỉnh thông qua thu hồi diện tích 63,58 ha, nhưng dự thảo Nghị quyết năm 2024 giảm xuống còn 20,93 ha; Đường tránh thị trấn Quảng Uyên: năm 2023 HĐND tỉnh thông qua thu hồi diện tích 11 ha, nhưng dự thảo Nghị quyết năm 2024 tăng lên thành 13,29 ha.

(3) Có 23 dự án đã quá 03 năm chưa thực hiện nhưng vẫn đưa vào Nghị quyết thông qua thu hồi đất năm 2024 (Thành phố: 10 dự án; Bảo Lạc: 02 dự án; Nguyên Bình: 03 dự án; Quảng Hòa: 02 dự án; Hà Quảng: 01 dự án; Hòa An: 04 dự án; Trùng Khánh: 01 dự án). Đề nghị UBND tỉnh rà soát, tổng hợp các dự án

đã quá 03 năm chưa thực hiện và báo cáo lý do, căn cứ tiếp tục chuyển tiếp các dự án thu hồi đất năm 2024.

(4) Căn cứ pháp lý đề đưa một số dự án cần thu hồi đất chưa đảm bảo theo quy định, đề nghị UBND tỉnh rà soát, bổ sung căn cứ pháp lý phù hợp và đúng quy định, một số dự án như sau: *Dự án bảo vệ Di tích Văn Bia Tổng Phườn xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, căn cứ pháp lý đưa ra là: Quyết định số 2605/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng Về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh; Khu dân cư xóm Nà Chùa, thị trấn Bảo Lạc, căn cứ pháp lý đưa ra là: Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng Phê duyệt Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc giai đoạn 2021 - 2030, tỷ lệ 1/2.000 (không có quyết định ghi vốn hoặc văn bản quy định về giao vốn thực hiện); Dự án Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Nà Cốc - Bản Cắm, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng căn cứ pháp lý đưa ra là: Văn bản số 1182/UBND-TCKH ngày 07/7/2023 của UBND huyện Thạch An dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024; Dự án Đường Khuổi Rịa, xã Mai Long kết nối đường An Thắng xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, căn cứ pháp lý đưa ra là: Có tờ trình xin chủ trương đầu tư số 47/TTr-UBND ngày 24/8/2023 của UBND xã Mai Long; Dự án Đường Mỹ Hưng - Tiên Thành, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, căn cứ pháp lý đưa ra là: Báo cáo số 359/BC-UBND ngày 21/6/2023 của UBND huyện Quảng Hoà báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Quảng Hoà.*

(5) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát, khẳng định các dự án trong danh mục dự thảo Nghị quyết thu hồi đất đã được Hội đồng thẩm định Kế hoạch sử dụng đất nhất trí đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thành phố. Qua rà soát Báo cáo thuyết minh tổng hợp KH sử dụng đất năm 2024 của các huyện, thành phố, một số dự án không có danh mục dự án đề nghị thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (*Biểu số 10 của Báo cáo thuyết minh*) nhưng UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất, cụ thể:

+ Huyện Thạch An có 06 dự án: (1) Mở mới đường GTNT Nà Cà - Nặm Cáp; (2) Nước sinh hoạt Đuốc Khánh, xóm Nà Luồng, Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; (3) Nước sinh hoạt tập trung Bó Đường, xã Vân Trình; (4) Nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Pò và UBND xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; (5) Nước sinh hoạt tập trung Khuổi Mả xóm Tân Tiến, xã Canh Tân; (6) Khu Trung tâm cây xanh thể dục thể thao.

+ Huyện Nguyên Bình có 08 dự án: (1) Đường GTNT Nà Vài - Phía Phạ, xóm Nà Vài, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; (2) Nhà Văn hóa xóm Nà Mạ xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; (3) Trường Mầm non xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; (4) Nhà Văn hóa xóm Cắm Tẹm; (5) Nhà Văn hóa xóm Nà Ngần; (6) Nhà văn hóa xóm Quang Thượng; (7) Đường mở mới xóm Bình Đường – Tổng Sơ; (8) Đường mở mới Bản Chiếu – Lũng Chủ.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

VI. Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024

1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn đúng thời hạn, đủ thành phần hồ sơ.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn là đầy đủ căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng thẩm quyền.

3. Về nội dung Nghị quyết:

UBND tỉnh trình Kỳ họp thứ 17, HĐND tỉnh khóa XVII Thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 đối với: 209 dự án, công trình, trong đó:

- + Đất trồng lúa: 99,72 ha;
- + Đất rừng phòng hộ: 168,49 ha;
- + Đất rừng đặc dụng: 0,35 ha.

4. Ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách

- Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh căn cứ các ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách ở phần thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất 2024, đề rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết, phụ lục kèm theo đảm bảo các danh mục dự án, công trình chính xác, thống nhất giữa 02 Nghị quyết.

- Tại phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết của các huyện, có một số dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng nhưng không có trong danh mục dự án cần thu hồi đất, đề nghị UBND tỉnh rà soát, chỉnh sửa, làm rõ phụ lục danh mục dự án của các huyện.

Ví dụ: Phụ lục huyện Bảo Lâm: dự án Nhà văn hoá xóm Nà Mầu xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Khau Piao - Nà Mùng, xóm Nà Luông, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Đường GTNT Cốc Sôm - Lũng Vài, xóm Nặm Mìoòng, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Phụ lục huyện Bảo Lạc: Đường giao thông Cốc Cai - Càng Luông, xã Hưng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Đường Pác Puông - Duông Rình, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông xóm Nà Soen - Tát Kè, xã Kim Cúc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Đường giao thông Bản Phuông - Phần Diều, xã Khánh Xuân; Công trình: Xây dựng bản biên giới Lũng Piao,

huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục đường giao thông); Công trình: Xây dựng bản biên giới Lũng Piao, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục nhà văn hóa).

Phụ lục huyện Thạch An: Dự án Mở mới, nâng cấp đường nội đồng Pó Khòe - Phát Đét không có trong danh mục dự án thu hồi đất.

- Một số dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng các năm trước nhưng chưa quá 03 năm (*không phải làm lại thủ tục xin ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP*), tuy nhiên, UBND tỉnh đang tổng hợp vào danh mục dự án đăng ký mời, đề nghị báo cáo, làm rõ lý do tiếp tục trình HĐND tỉnh thông qua

Ví dụ: Dự án Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng), Đường giao thông liên xã Pò Lài (xã Trọng Con)-Nà Luông (xã Thái Cường), huyện Thạch An; Dự án Hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu tái định cư thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh thông qua chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Đường nội thị thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã được HĐND tỉnh thông qua chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 10/12/2021;

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

VII. Nghị quyết ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn đúng thời hạn yêu cầu, đủ thành phần theo quy định.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Về nội dung Nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết bao gồm 02 danh mục dịch vụ cụ thể:

TT	Danh mục dịch vụ
1	Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
2	Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Tại tên Nghị quyết, dự thảo Nghị quyết ghi là “**NGHỊ QUYẾT Về việc ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**”. Ban KT-NS đề nghị bỏ từ “**Về việc**” để thống nhất với tên đã đăng ký tại Tờ trình số 2347/TTr-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh và Thông báo số 418/TB-HĐND ngày 28/9/2023 của Thường trực HĐND tỉnh.

(2) Tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ngành giao thông vận tải, quy định về danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ngành giao thông vận tải có nội dung: “*b) Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về giao thông vận tải.*”

Đồng thời, tại Điều 1 Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh cao bằng, có nội dung “*tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đường bộ*”; “*tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đường thủy nội địa*”.

Đề nghị UBND tỉnh bổ sung danh mục sự nghiệp công “*b) Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về giao thông vận tải.*” vào nội dung dự thảo nghị quyết.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

VIII. Nghị quyết về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045 đến HĐND tỉnh đúng thời hạn yêu cầu, đủ thành phần theo quy định.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

3. Về nội dung Nghị quyết

Gồm có 06 nội dung sau:

- 1- Quan điểm phát triển nhà ở.
- 2- Mục tiêu phát triển nhà ở.
- 3- Kế hoạch phát triển diện tích sàn theo từng loại hình nhà ở.
- 4- Diện tích đất ở hoàn thành xây dựng nhà ở theo giai đoạn.

5- Nguồn vốn phát triển nhà ở.

6- Giải pháp chính thực hiện Chương trình.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Tại Tờ trình của UBND tỉnh: Trình HĐND tỉnh là thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045, không phải là điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở. Do vậy, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh viện dẫn căn cứ pháp lý tại các điểm c, d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

(2) Tại phần căn cứ dự thảo Nghị quyết, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa từ “*trên cơ sở*” thành từ “*căn cứ*”, cụ thể: “***Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 ...***”

(3) Một số chỉ tiêu đưa ra tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Cao Bằng về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh Cao Bằng về chương trình phát triển nhà ở tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030?

(4) Đề nghị UBND tỉnh giải trình các căn cứ đưa ra các chỉ tiêu, mục tiêu, và nghiên cứu, xem xét làm tròn số một số chỉ tiêu. Đồng thời, làm rõ tính khả thi của các chỉ tiêu đến năm 2025, như chỉ tiêu 400 căn hộ nhà ở xã hội?

(5) Tại trang số 4 Dự thảo nghị quyết:

- Giai đoạn 2030, diện tích đất ở dành cho nhà ở công vụ chỉ là 0,05 ha, với nội dung “*đầu tư xây dựng mới 11 căn nhà ở công vụ tại các huyện, thành phố (02 căn tại thành phố Cao Bằng và 01 căn tại mỗi huyện) có diện tích sử dụng 80 m²/căn*” tương đương 880m². Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát số liệu: diện tích đất ở dành cho nhà ở công vụ, số lượng nhà ở công vụ như vậy đã đảm bảo theo tiêu chuẩn của các đối tượng đủ điều kiện sử dụng nhà công vụ chưa, việc bố trí NSNN 6,33 tỷ để đầu tư xây dựng quỹ nhà ở công vụ với số có đảm bảo tính khả thi không?

- Tại trang số 4, nội dung “*Nguồn vốn ngân sách bố trí khoảng 485,494 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ xây mới nhà ở cho 8.381 hộ nghèo, hộ cận nghèo*” hiện nay là số liệu của 07 huyện, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh rà soát bổ sung theo số liệu của cả tỉnh (10 huyện, Thành phố)

(6) Đối với nguồn vốn thực hiện chương trình, đề nghị UBND tỉnh cho biết nguồn lực để thực hiện Chương trình phát triển nhà ở từ nguồn nào? Tính khả thi của các nguồn lực thực hiện?

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

IX. Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tỉnh Cao Bằng đến HĐND tỉnh đủ thành phần theo quy định nhưng chậm 02 ngày so với thời hạn yêu cầu.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 nhằm cụ thể hóa mục tiêu, từng chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực kinh tế là: Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh. Vì vậy, việc UBND tỉnh trình và HĐND tỉnh ban Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tỉnh Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật.

3. Về nội dung Nghị quyết

a) Mục tiêu tổng quát:

Triển khai đúng tiến độ, đạt kết quả cao 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2024

* Chỉ tiêu kinh tế: gồm 07 chỉ tiêu:

(1) Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP): 8%. Trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp: 3,2%; Công nghiệp, xây dựng: 11,35%; Dịch vụ: 8,6%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp: 8,6%.

(2) GRDP bình quân đầu người: 46,98 triệu đồng/người.

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt 48 triệu đồng.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) đạt 716 triệu USD. Trong đó: kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại địa bàn đạt 198 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đăng ký 363 triệu USD; giá trị hàng hóa giám sát đạt 155 triệu USD.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 1.918 tỷ đồng. Trong đó: thu nội địa 1.318 tỷ đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 600 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11%.

(7) Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường đạt 83%. Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa đạt 99,4%.

* Chỉ tiêu văn hóa - xã hội: gồm 06 chỉ tiêu

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Tăng thêm 6 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(9) Duy trì tỷ lệ 15 bác sỹ/vạn dân, 35 giường bệnh/vạn dân. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã 85,71%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%.

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 95%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt 59%; tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa đạt 97,3%, trong đó tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sử dụng đạt 48%.

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo 4% trở lên.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 50,9%, trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề 38,8%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị 3,15%.

(13) Phân đấu tăng thêm 5 xã điểm đạt từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới.

* Các chỉ tiêu về môi trường: gồm 04 chỉ tiêu

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58,52%.

(15) Phân đấu đạt 93% dân cư thành thị được dùng nước sạch, 94% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

(16) Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn tăng thêm 1.905 hộ.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 92,5%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 91,6%.

c) Những giải pháp chủ yếu: gồm 11 giải pháp.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023, các chỉ tiêu về kinh tế cơ bản không đạt (05/07 chỉ tiêu), đặc biệt một số chỉ tiêu thấp hơn rất nhiều so với kế hoạch năm 2023, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ để xây dựng các chỉ tiêu tăng như vậy có khả thi không.

(2) Tại Báo cáo 2995/SNN-KHTC ngày 13/11/2023 của Sở NN&PTNT thì, “*Kết quả di dời gia súc ra khỏi gầm sàn nhà, đến thời điểm ngày 03/11/2023 đã thực di dời được 659 hộ*”. Tuy nhiên, tại dự thảo “*Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà tăng thêm 2.252 hộ (đạt 118% KH)*”. Đề nghị UBND tỉnh rà soát lại số liệu, ước thực hiện như vậy có đảm bảo chính xác không?

(3) Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2023 lĩnh vực: Công nghiệp, Xây dựng giảm 1,94%, tuy nhiên sang năm 2024 xây dựng mục tiêu tăng 11,35%. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ tính khả thi của chỉ tiêu này?

(4) Năm 2024 là năm gần cuối nhiệm kỳ, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, đánh giá tổng thể các chỉ tiêu phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, đặc biệt cần phân tích, đánh giá, dự báo kỹ lưỡng đối với những chỉ tiêu khả năng không đạt kế hoạch theo Nghị quyết 50/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh

về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Cao Bằng để xây dựng các giải pháp, phương án đột phá hoàn thành chỉ tiêu theo kế hoạch.

(6) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung biểu so sánh kết quả thực hiện năm 2023 và phương án dự kiến năm 2024, tỷ lệ tăng, giảm so với thực hiện và kế hoạch năm 2023.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

X. Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra.

Hồ sơ dự thảo nghị quyết cơ bản đầy đủ theo quy định, UBND tỉnh gửi chậm 02 ngày, đề nghị UBND tỉnh bổ sung **Báo cáo về kế hoạch đầu tư công năm 2024** theo quy định tại: Điều 50 - Luật Đầu tư công và Công văn số 4460/BKHĐT ngày 13/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 kèm theo dự thảo nghị quyết.

2. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ Khoản 2, Điều 63, Luật Đầu tư công 2019.

Từ căn cứ pháp lý nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

Tổng số vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng là 4.258.968,067 triệu đồng. Bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước: 3.574.508 triệu đồng, Vốn Ngân sách địa phương: 1.011.481 triệu đồng; Vốn Ngân sách trung ương: 2.563.027 triệu đồng. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 4.100 triệu đồng. Vốn đầu tư bổ sung từ Ngân sách địa phương: 680.360,067 triệu đồng.

4. Ý kiến của Ban KT-NS HĐND tỉnh

(1) Về nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn đầu tư công năm 2024: Đề nghị UBND tỉnh khẳng định việc bố trí vốn đầu tư công năm 2024 đúng tiêu chí, nguyên tắc theo Luật Đầu tư công và Công văn số 4460/BKHĐT ngày 13/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(2) Đề nghị UBND tỉnh đề xuất bố trí nguồn vốn để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, đặc biệt là nghị quyết hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa.

(3) Tại biểu số 02: Đề nghị UBND tỉnh làm rõ các nội dung sau:

- Tiêu chí được sử dụng làm căn cứ để phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 cho các huyện chưa tương đồng nhau?

- Đề nghị UBND tỉnh xem xét, lưu ý bố trí vốn tập trung công trình đối với nguồn thu xổ số kiến thiết theo ý kiến của Công ty xổ số thuận tiện cho công tác gắn biển công trình.

- Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng: 14.000 triệu đồng đã bố trí đủ vốn NSDP bằng nguồn vốn đầu tư trung hạn 2021-2025 đã được

HĐND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, nguồn vốn do Bộ Công an đối ứng từ năm 2022-2024 mới bố trí được 14.000 triệu đồng/343.000 triệu đồng, vậy dự án có đảm bảo tiến độ hoàn thành trong năm 2025 không?

- Dự án Đầu tư xây dựng công trình trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Chu Trinh: Kế hoạch năm 2023 đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư 1.000 triệu đồng, năm 2024 tiếp tục bố trí 1.000 triệu đồng chuẩn bị đầu tư? Nguyên nhân, lý do chưa phê duyệt được dự án để bố trí khởi công mới theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công?

- Đối ứng thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2.200 triệu đồng đã đảm bảo đúng theo tỷ lệ đối ứng theo quy định chưa? Vốn đối ứng để thực hiện 2 CTMTQG còn lại dự kiến bố trí từ những nguồn vốn nào? Đề nghị UBND tỉnh khẳng định việc đối ứng các CTMTQG bằng công trình là đúng theo quy định của cấp trên.

(4) Tại biểu số 3: Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ các nội dung sau:

- Dự án Xây dựng mới Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng: 60.000 triệu đồng đối ứng từ nguồn vốn NSDP đến nay tại sao chưa bố trí?

- Dự án Bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2021-2025: 43.995,847 triệu đồng có đảm bảo giải ngân hoàn thành dự án theo tiến độ không? Lũy kế từ 2021-2023 mới giải ngân được 16.004,153 triệu đồng?

- Dự án Cải tạo, nâng cấp đường GT Chu trinh (TPCB) - Hồng Nam (huyện Hòa An): 5.000 triệu đồng bố trí đủ vốn NSTW. Tuy nhiên số vốn đối ứng từ nguồn vốn NSDP: 40.000 triệu đồng đến nay tại sao chưa bố trí? Vậy dự án có đảm bảo hoàn thành trong năm 2024 không?

- Dự án Cải tạo, nâng cấp đường 205: bố trí đủ vốn 180 tỷ đồng. Tuy nhiên, qua giám sát, khảo sát tiến độ thực hiện dự án rất chậm, dự án có đảm bảo hoàn thành trong năm 2024 không?

- Dự án Đường tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa: 40.528,535 triệu đồng, lũy kế đã bố trí từ 2021-2023: 56.900 triệu đồng. Dự án này sử dụng nguồn vốn NSTW: 200.000 triệu đồng bằng tổng mức đầu tư dự án và thời gian thực hiện hoàn thành trong năm 2025. Vậy với tiến độ thực hiện dự án như vậy có đảm bảo hoàn thành trong năm 2025 không?

- Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn NSTW không thực hiện được UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh chủ trương dừng thực hiện dự án và các dự án có khả năng không sử dụng hết tổng mức vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Đề nghị UBND tỉnh cho biết hướng xử lý như thế nào?

(5) Tại biểu số 6: Đề nghị UBND tỉnh giải trình tính khả thi của các nguồn vốn đầu tư bổ sung từ NSDP: 680.360,067 triệu đồng, báo cáo cụ thể số liệu tăng thu các năm gần đây, cung cấp các địa chỉ cụ thể thực hiện sẽ thực hiện tăng tính khả thi về số liệu dự kiến này trong năm 2024?

(6) Tại dự thảo Nghị quyết ghi: “Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024: Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh giải trình căn cứ pháp lý nào để tham mưu dự thảo Nghị quyết quy định tại Điều 2?”

(7) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung số quyết định phê duyệt, điều chỉnh dự án, trường hợp chưa có quyết định phê duyệt dự án thì để mục chuẩn bị đầu tư.

(8) Tại Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về việc Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, số vốn đối ứng TP. Cao Bằng là 874 triệu đồng, tuy nhiên tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2023, tại Biểu số 8, chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác năm 2023, mục A2 Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực, phần V. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật, (1) Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, 1.6 UBND Thành phố bố trí số vốn là 5.600,0 triệu đồng. Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh xem xét đề xuất hướng xử lý phù hợp với Nghị quyết 13/NQ-HĐND.

(9) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh gửi văn bản tiếp thu, giải trình theo các nội dung thẩm tra, đồng thời báo cáo cụ thể những nội dung, số liệu thay đổi so với Tờ trình số 3154/TTr-UBND ngày 16/11/2023 về Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chậm nhất ngày 05 tháng 12 năm 2023.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

XI. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 7)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Hồ sơ dự thảo nghị quyết cơ bản đầy đủ theo quy định.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Khoản 7, Điều 67, của Luật Đầu tư công.

Từ căn cứ pháp lý nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

Điều chỉnh phần vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết cụ thể:

- Đầu tư XDCB vốn tập trung trong nước (tính bố trí): Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 13 dự án với số vốn là 32.803,464 triệu đồng. Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 05 nhiệm vụ/dự án với số vốn 32.803,464 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với số vốn là 4.599 triệu đồng. Điều

chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với số vốn là 4.599 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với số vốn là 11.322 triệu đồng. Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 01 dự án với số vốn là 11.322 triệu đồng.

4. Ý kiến của Ban KT-NS HĐND tỉnh

(1) Đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ kết quả và dự kiến thực hiện việc điều chỉnh nhằm tuân thủ kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực X tại Báo cáo kiểm toán được gửi kèm văn bản số 458/KTNN-TH ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cao Bằng.

(2) Đề nghị UBND tỉnh cho biết đối với các phần vốn tăng thu, số thực hiện nay là bao nhiêu, đáp ứng bao nhiêu %? Có dự kiến thực hiện điều chỉnh giảm không? Có bao nhiêu dự án tăng thu không triển khai thực hiện được do hụt thu? Các dự án còn lại hiện nay đang thực hiện có đảm bảo cân đối đủ nguồn vốn không?

(3) Đề nghị UBND tỉnh cho biết phương án xử lý đối với phần vốn NSTW không thực hiện được của các dự án: 49,5 tỷ của dự án Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025; 23 tỷ của dự án Cầu và đường nối Quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng?

(4) Đề nghị UBND tỉnh làm rõ dự kiến bố trí nguồn vốn đối ứng để thực hiện: các CTMTQG; các nghị quyết HĐND tỉnh ban hành như: nghị quyết số 41 về hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa, nghị quyết số 60 về hỗ trợ di dời chuồng trại, nghị quyết số 64 về xóa nhà dột nát và đề án đầu tư xây dựng 27 trụ sở CA xã?

(5) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo và hỗ trợ UBND huyện Bảo Lạc trong việc bố trí vốn để trả công nợ các dự án còn nợ đọng sau khi các dự án đã hoàn thành công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định, tổng số 34 dự án với số vốn nợ đọng là 61.433,785 triệu đồng.

(6) Đề nghị UBND tỉnh bổ sung danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư phát sinh mới trong giai đoạn 2024-2025 theo các ý kiến kết luận của trung ương như: Các dự án quy hoạch, Dự án Cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

XII. Nghị quyết quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Hồ sơ dự thảo nghị quyết cơ bản đủ thành phần theo quy định. Tuy nhiên, hồ sơ chưa có các tài liệu thuyết minh dự toán thu NSNN trên địa bàn, dự toán

thu, chi NSDP theo quy định của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017. Thời gian gửi hồ sơ chậm so với thời hạn yêu cầu.

2. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ các khoản 1, 2, Điều 30, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Về nội dung Nghị quyết

Quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 như sau: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.918.000 triệu đồng (trong đó, Thu nội địa: 1.318.000 triệu đồng; Thu từ hoạt động XNK: 600.000 triệu đồng). Thu ngân sách địa phương: 13.508.547 triệu đồng (trong đó, Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 1.205.006 triệu đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 12.303.541 triệu đồng). Tổng chi ngân sách địa phương: 13.473.547 triệu đồng (trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương: 9.382.669 triệu đồng; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 3.962.042 triệu đồng; Chi từ nguồn tăng thu: 128.836 triệu đồng).

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - ngân sách như sau:

(1) Về hồ sơ trình: Đề nghị UBND tỉnh bổ sung thuyết minh dự toán, theo quy định của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017. Qua đó Ban KT - NS có căn cứ để nhận định, đánh giá các nội dung: Mục tiêu, nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương có phù hợp với tình hình thực tế của địa phương? Bội chi NSDP, phương án vay. Việc thực hiện nguyên tắc phân bổ, tính công bằng, hợp lý và tích cực của phương án phân bổ NSDP? Đảm bảo ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, địa phương?

(2) Các biểu mẫu kèm dự thảo nghị quyết: Các biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra đúng theo quy định của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP.

(3) Về nội dung dự toán thu ngân sách

Tổng thu Ngân sách địa phương năm 2024: là 13.508,547 tỷ đồng tăng 5% so với ước thực hiện năm 2023 (trong đó dự toán thu nội địa năm 2024 là 1.318 tỷ đồng, tăng 9% so với ước thực hiện năm 2023). Ban KT-NS nhận thấy số thu đưa ra cho năm 2024 là phù hợp với tình hình địa phương.

Tuy nhiên, Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh đánh giá thêm:

- Sự phù hợp so với chỉ tiêu thu NS theo mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh?
- Dự toán năm 2024 Số thu của một số khoản có thay đổi lớn so với ước thực hiện 2023: Thu từ DNNN do địa phương quản lý tăng 36%; thu tiền sử dụng đất tăng 119%; số thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản giảm 64%...
- Dự toán thu NSNN giao cho các địa phương còn có nội dung chưa hợp lý (đơn vị Thành phố và huyện Quảng Hòa nhiều năm liên tục có chỉ tiêu thu NS không đạt nhưng vẫn được giao cao).

- Dự toán số thu - chi từ đất của Sở KH-ĐT và Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh trình UBND tỉnh chưa thống nhất, đề nghị rà soát lại.

- Trên địa bàn tỉnh có 02 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xổ số: khi giao dự toán đề nghị tách riêng chỉ tiêu thu của từng đơn vị.

(4) Về nội dung dự toán chi ngân sách

Tổng chi NSDP năm 2024 là 13.473,547 tỷ đồng, tăng 1% so với dự toán năm 2023 (chi cân đối NSDP là 9.382,669 tỷ đồng, tăng 8% so với dự toán 2023. Tuy nhiên, chi đầu tư phát triển chỉ bằng 70% số dự toán của năm 2023; chi thường xuyên bằng 116% so với dự toán 2023).

Ban KT - NS đề nghị UBND tỉnh giải trình một số nội dung:

- Dự toán chi thường xuyên năm 2024 tăng so với năm 2023? Đề nghị báo cáo số tăng dự toán chi để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ và số chi để thực hiện chế độ, chính sách?

- Khẩn định phương án phân bổ năm 2024 đã rà soát các chính sách của Trung ương và địa phương ban hành còn hiệu lực và loại trừ các chính sách được ban hành nhưng đã hết hiệu lực thi hành?

- UBND tỉnh xem xét giải quyết ý kiến của các địa phương, sở ngành về nhu cầu kinh phí để mua sắm, sửa chữa tài sản (các địa phương kiến nghị) và các kiến nghị của các đoàn khảo sát, giám sát của HĐND tỉnh.

- UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương rà soát kinh phí để thực hiện công tác quy hoạch để trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt, đảm bảo công tác quy hoạch được thực hiện đúng nguồn theo quy định hiện hành; giải quyết được tổng thể các nhu cầu của địa phương và công bằng trong phân bổ ngân sách.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

XIII. Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Hồ sơ dự thảo nghị quyết đủ thành phần theo quy định nhưng chậm 02 ngày so với thời hạn yêu cầu.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 và Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

3.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi NS năm 2022

Dự toán ngân sách tỉnh Cao Bằng năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 như sau:

- *Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.018.000 triệu đồng* (Thu nội địa: 1.788.000 triệu đồng; Thu từ hoạt động XNK: 230.000 triệu đồng).

- *Thu NSDP: 10.893.162 triệu đồng* (Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 1.654.680 triệu đồng; Thu bổ sung từ NS cấp trên: 9.238.482 triệu đồng).

- *Chi ngân sách địa phương: 10.974.642 triệu đồng* (Chi cân đối ngân sách địa phương: 8.360.249 triệu đồng; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 2.269.333 triệu đồng; Chi từ nguồn tăng thu: 317.880 triệu đồng).

(1) Kết quả thực hiện thu ngân sách

- *Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 4.010 tỷ đồng, bằng 198,71% dự toán* (trong đó: thu nội địa đạt 1.328 tỷ đồng, bằng 74,27% DT; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 2.654,9 tỷ đồng, bằng 1.154% DT).

- *Tổng thu NSDP đạt 13.901,973 tỷ đồng, bằng 128% dự toán* (trong đó: Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 1.229,352 tỷ đồng, bằng 74,30%; thu bổ sung từ ngân sách Trung ương 10.344,242 tỷ đồng, bằng 112%).

*** Ý kiến đánh giá của Ban KT-NS:** Năm 2022 là năm bị ảnh hưởng của sự tác động của kinh tế thế giới, ảnh hưởng của dịch Covid 19 có nhiều tác động tiêu cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế cả nước cũng như của tỉnh Cao Bằng đều bị ảnh hưởng và gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác thu ngân sách của địa phương. Tuy nhiên, Trong công tác quản lý thu NS còn một số nội dung:

- *Đối với thu NSNN trên địa bàn:* Nhiều khoản thu còn đạt thấp so với dự toán: Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý được 180,888 tỷ đồng (bằng 64% dự toán); thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt 418,591 triệu đồng (84% dự toán), thu Thuế bảo vệ môi trường được 86,608 tỷ đồng (bằng 56% dự toán), thu tiền sử dụng đất được 148,122 tỷ đồng (bằng 30% dự toán), thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 83,280 tỷ đồng (bằng 88% dự toán), thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 13,250 tỷ đồng (bằng 88% dự toán). UBND tỉnh chưa chỉ đạo các ngành huy động triệt để các khoản thu vào NSNN. Đến hết năm 2022 tổng số nợ thuế là 219,983 tỷ đồng (nợ có khả năng thu: 106,636 tỷ đồng, Nợ khó thu 113,347 tỷ đồng), Tỷ lệ nợ có khả năng thu/Tổng thu là 8%).

- *Đối với thu ngân sách địa phương:* Ban KT- NS thấy số tăng thu ngân sách địa phương tăng so với dự toán chủ yếu là **do thu chuyển nguồn từ 2021 sang 2.249,728 tỷ đồng, chiếm 16,18% tổng thu NSDP**, số Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp chỉ đạt: 1.229,352 tỷ đồng, bằng 74,30% dự toán (Nếu không tính số thu từ sử dụng đất và thu từ hoạt động XS kiến thiết thì số thu được là 1.067,89 tỷ đồng, bằng 93,7% DT); Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương 10.344,242 tỷ đồng, bằng 111,97% dự toán); Kết dư NS địa phương 15,984 tỷ đồng; Thu viện trợ 8,059 tỷ đồng; Thu từ vay của NS cấp tỉnh 54,607 tỷ đồng.

(2) Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương 13.894.109 triệu đồng, bằng 126,92% dự toán HĐND tỉnh quyết định, Trong đó:

- Chi cân đối đạt 6.881,916/8.360,249 tỷ đồng, bằng 82,02%, (Cụ thể: Chi đầu tư phát triển 824,944/1.141,280 tỷ đồng, bằng 82% dự toán; Chi thường xuyên: 5.905,691/7.051,550 tỷ đồng, bằng 84% dự toán; Chi trả nợ lãi, phí tiền vay 2,959 tỷ đồng; Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,3 tỷ đồng, bằng 100% dự toán; Dự phòng ngân sách 147,022 tỷ đồng, bằng 98% dự toán)

- Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau 4.717,431 tỷ đồng;
- Chi trả nợ gốc các khoản vay 17,834 tỷ đồng;
- Chi nộp trả ngân sách cấp trên 54,408 tỷ đồng;
- Chi các Chương trình mục tiêu: 2.222,519 tỷ đồng, bằng 98% dự toán.

Ý kiến đánh giá của Ban Kinh tế - Ngân sách: Kết quả thực hiện chi ngân sách trong năm 2022 còn một số tồn tại, đó là:

- Số chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau chiếm tới 4.717,431 tỷ đồng bằng (33,95% tổng số chi ngân sách địa phương);
- Việc phân bổ và giao dự toán chưa kịp thời từ đầu năm (cấp tỉnh còn 440,6 tỷ đồng; huyện Thạch An còn 21%, huyện Hòa An còn 15% và huyện Hạ Lang còn 28% tổng số chi thường xuyên của huyện chưa phân bổ từ đầu năm).

(3) Số dự toán chi được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật

Kinh phí phải chuyển nguồn sang năm 2023 là 4.717,431 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách cấp tỉnh 2.474,950 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện 2.199,339 tỷ đồng; ngân sách cấp xã 43,142 tỷ đồng⁷.

Ý kiến đánh giá của Ban Kinh tế - Ngân sách: Một số nội dung có số chuyển nguồn cao hơn so với năm 2021, cụ thể: kinh phí khác theo quy định của pháp luật năm 2021 chuyển nguồn 10,7 tỷ đồng, năm 2022 chuyển nguồn 331,519 tỷ đồng; kinh phí mua sắm trang thiết bị năm 2021 chuyển nguồn 2,240 tỷ đồng, năm 2022 chuyển nguồn 13,525 tỷ đồng; các khoản tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021 chuyển nguồn 709,69 tỷ đồng, năm 2022 chuyển nguồn 811,372 tỷ đồng...

3.2. Nội dung phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022

(1) Nội dung UBND trình HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán cơ bản đã phản ánh đầy đủ các nội dung thu, chi ngân sách năm 2022, các số liệu được xác định trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán của các địa phương, các ngành và xử lý những tồn tại được kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2022.

⁷ Chi ĐTPT 22.777,817 tỷ đồng; chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trước ngày 31/12 13,525 tỷ đồng; Nguồn thực hiện CS tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ XH 526,43 tỷ đồng; kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị SNCL và các cơ quan NN 24,022 tỷ đồng; các khoản dự toán được bổ sung sau ngày 30/9 là 134,434 tỷ đồng; kinh phí nghiên cứu KH đã bố trí cho các đề tài được cấp có thẩm quyền phê duyệt đang trong thời gian thực hiện 12,31 tỷ đồng; các khoản tăng thu được sử dụng theo quy định của khoản 2 điều 59 luật NS 811,372 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất tăng thế chưa phân bổ 61,378 tỷ đồng; thu từ sắp xếp lại trụ sở làm việc 24,624 tỷ đồng; kinh phí khác theo quy định của PL 331,519 tỷ đồng.

(2) Đề HĐND tỉnh có cơ sở phê chuẩn quyết toán sách nhà nước tỉnh Cao Bằng năm 2022, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình bằng văn bản 03 nội dung:

- So sánh số chi của các lĩnh vực so với Nghị quyết của HĐND tỉnh (và giải trình lý do nếu có sự thay đổi);

- Lý do phải nộp trả ngân sách cấp trên 54,408 tỷ đồng;

- Lý do chuyển nguồn sang năm 2023 của các nội dung chi.

Ban KT-NS đề nghị kỳ họp HĐND tỉnh thảo luận, xem xét, quyết định.

XIV. Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến HĐND tỉnh đủ thành phần, tuy nhiên chậm so với thời hạn yêu cầu.

2. Sự cần thiết, căn cứ và thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh là cơ sở để các đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện, là căn cứ để UBND các huyện, thành phố trình HĐND các huyện, thành phố thông qua và phân khai tiết các công trình thuộc các dự án, tiểu dự án. Bên cạnh đó, để chủ động trong việc điều hành, thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh cần thiết ban hành Nghị quyết cá biệt về phân bổ NSNN năm 2024 thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Tại khoản 2 Điều 83 Luật Đầu tư công quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp, Nghị định 27/2022/NĐ-CP, quy định Về công tác giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm “*Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ hàng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: - Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*”.

Do vậy, việc HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Về nội dung Nghị quyết

3.1. Tổng vốn Ngân sách nhà nước 2.554.622,804 triệu đồng, trong đó:

Ngân sách trung ương 2.492.374 triệu đồng (vốn đầu tư 1.271.679 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.220.695 triệu đồng); Đối ứng Ngân sách địa phương 62.248,804 triệu đồng (vốn đầu tư 32.660,804 triệu đồng; vốn sự nghiệp 29.588 triệu đồng), cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi 1.558.990 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 915.696 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 79.936,804 triệu đồng.

3.2. Phân bổ chi tiết dự án đầu tư cho các sở, ban, ngành của tỉnh với Tổng số vốn là 41.036 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 14.826 triệu đồng

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 26.210 triệu đồng.

4. Ý kiến của Ban KT-NS

(1) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh khẳng định việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại các Nghị quyết HĐND tỉnh⁸.

(2) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cho biết vốn đầu tư dự kiến có phân bổ đến từng tiểu dự án đối với từng chương trình không? Trường hợp Trung ương phân bổ chi tiết đến từng tiểu dự án đề nghị UBND tỉnh xây dựng phương án bổ sung chi tiết đến từng tiểu dự án.

- Đối với phần vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, số liệu dự kiến theo Công văn số 1733/UBND-CTMTQG ngày 29/9/2023 về việc thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn NSTW thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN năm 2024, 2025 và Công văn số 2145/UBND-VPCTMTQG ngày 20/11/2023 (thông báo lần 2), vốn sự nghiệp được thông báo chi tiết đến tiểu dự án, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh có phương án đến từng tiểu dự án.

- Đối với số liệu nguồn vốn sự nghiệp của 02 CTMTQG còn lại, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cung cấp thêm văn bản dự kiến.

(3) Tại Điều 1, dự thảo Nghị quyết đề nghị UBND tỉnh bỏ cụm từ “*kế hoạch vốn*” và chỉnh sửa năm “2023” thành năm “2024”, cụ thể: “*Phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*”.

Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát những nội dung còn lại.

(4) Tại Khoản 2, Điều 2, dự thảo Nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa: “*Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện **phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư** năm 2024; khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, tổ chức triển khai thực hiện các dự án bảo đảm đúng quy định*”

⁸ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 27/4/2023; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 27/4/2023.

hiện hành và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình phân bổ ngân sách nhà nước, danh mục dự án đầu tư tại kỳ họp gần nhất và kỳ họp thường lệ giữa năm”

(5) Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cho biết lũy kế số vốn bố trí đối ứng cho các CTMTQG (bao gồm cả dự kiến năm 2024) là bao nhiêu? Đáp ứng bao nhiêu % số vốn cần đối ứng giai đoạn 2021-2025 (chi tiết từng CTMTQG)?

- Đối với phần vốn đối ứng từ tăng thu NSDP là 30.000 triệu đồng tại Phụ lục 01 Biểu phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, đề nghị UBND tỉnh ghi chi tiết dự kiến số vốn đối ứng cho các đơn vị theo tỷ lệ đúng quy định? việc bố trí vốn từ nguồn tăng thu NSDP là chưa đảm bảo, xem xét bố trí từ các nguồn khả thi hơn.

(6) Tại Phụ lục 3 Kế hoạch vốn năm 2024 chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh phân bổ chi tiết đến các xã như tại bản dự thảo lần đầu⁹ để thống nhất với Biểu phụ lục tại các Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27/4/2023) và Nghị quyết phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 (Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09/12/2022).

(7) Tại Phụ lục 4 Biểu phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát số vốn phân bổ cho hợp lý (nội dung Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới).

Ban KT - NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XV. Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2023 (điều chỉnh, bổ sung đợt 3)

1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung đợt 3); điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để triển khai Dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng đến HĐND đủ thành phần theo quy định.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng*

⁹ Dự thảo kèm theo Công văn số 3514/SKHĐT-KTN ngày 10/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v đề nghị góp ý Dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

hộ chăn sồng, lần biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư”.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (bổ sung đợt 3); điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng là cần thiết, đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

3.1. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 03 dự án, với tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 12,15 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất, cụ thể:

- Dự án Khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cải Chấp, xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 6,68 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất.

- Dự án Công trình thuỷ điện Hồng Nam, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng: diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 1,62 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất.

- Dự án Thuỷ điện Bảo Lạc A, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng: diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là 3,85 ha rừng trồng, quy hoạch rừng sản xuất.

3.2. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (*đã được HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng*) từ 3,18 ha xuống còn 1,32 ha do Dự án điều chỉnh giảm diện tích sử dụng đất.

4. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

(1) Đối với tên dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị chỉnh sửa thành: “*Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 (điều chỉnh, bổ sung đợt 3)*” cho ngắn gọn, phù hợp. Đối với việc điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để triển khai Dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng sẽ quy định trong dự thảo Nghị quyết, do đó, không cần cụ thể tại tên dự thảo Nghị quyết.

(2) Theo các Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định của UBND tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

để thực hiện 03 dự án¹⁰ Hội đồng thẩm định khẳng định là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thành phố, trong đó: 02 dự án thủy điện đã có trong danh mục dự án thủy điện thuộc phương án phát triển nguồn điện của tỉnh. Để đảm bảo các dự án được triển khai thực hiện các bước tiếp theo, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí trình kỳ họp HĐND xem xét, thông qua Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 03 dự án và điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án Khu tái định cư 2 khu đô thị mới thành phố Cao Bằng.

(3) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra kỹ hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng, xác định vị trí, ranh giới đảm bảo chính xác, thống nhất giữa hồ sơ và thực địa.

Ban KT- NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XVI. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Về chủ trương đầu tư dự án: Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

1. Về căn cứ pháp lý

Căn cứ Khoản Khoản 5, Điều 1 Nghị định số 20/2023 ngày 04/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 7834/BKHĐT-KTĐN về việc chủ trương đầu tư dự án "Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng" do Quỹ đặc biệt Mê Công -Lan Thương viện trợ không hoàn lại, Bộ Tài chính có Công văn số 12821/BTC-QLN về việc góp ý báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Như vậy, dự án đã đủ điều kiện trình phê duyệt chủ trương đầu tư.

2. Kết quả thẩm tra

(1) Về hồ sơ trình thẩm tra:

Căn cứ Khoản 1 - Điều 10 - Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, gồm: Tờ trình dự thảo nghị quyết, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (ĐXCTĐT) và các tài liệu liên quan khác. Đối chiếu với các quy định trên, Ban KT-NS thấy rằng Hồ sơ do UBND trình đầy đủ theo quy định.

(2) Về nội dung đề nghị Phê duyệt chủ trương đầu tư (Điều 1 của dự thảo nghị quyết)

¹⁰ (1) Dự án Khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi đồi Cài Chắp, xã Lê Chung, huyện Hoà An và phường Hoà Chung, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; (2) Dự án Công trình thủy điện Hồng Nam, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng (tại Tờ trình số 2938/TTr-UBND ngày 26/10/2023); (3) Dự án Thủy điện Bảo Lạc A, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Điều 31-Luật Đầu tư công năm 2019: Nội dung Báo cáo ĐXCTĐT do UBND tỉnh trình đầy đủ 8 nội dung theo quy định; dự thảo Nghị quyết được lập cơ bản đúng theo mẫu quy định tại Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 40 năm 2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, Ban KT - NS đề nghị:

- Bỏ ra khỏi dự thảo Nghị quyết một số nội dung sau:

“2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Thạch An.

4. Nhà tài trợ: Quỹ đặc biệt Hợp tác Mê Công - Lan Thương”.

(3) Đề nghị UBND tỉnh khẳng định:

+ Nội dung chủ trương đầu tư phù hợp với quy hoạch tỉnh Cao Bằng mới được thông qua tại Quyết định 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch phát triển của huyện ?

+ Sau khi dự án được đầu tư sẽ phát huy được hiệu quả sử dụng.

+ Chi đạo huyện Thạch an bố trí kinh phí đối ứng để thực hiện dự án.

Ban KT - NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

XVII. Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2) dự án: Bảo tàng tỉnh Cao Bằng (Ban KT-NS có Báo cáo thẩm tra riêng)

1. Về hồ sơ trình thẩm tra

Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 2) dự án: Bảo tàng tỉnh Cao Bằng đến Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đủ thành phần, đúng thời hạn.

2. Nội dung UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh và ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

2.1 Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh thời gian bố trí vốn và thực hiện dự án, cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh	Đã phê duyệt (Tại Văn bản số 243/HĐND ngày 16/9/20219 của HĐND tỉnh CB)	Điều chỉnh
Thời gian bố trí vốn và thời gian thực hiện dự án	Năm 2019 - 2023	Năm 2019 - 2024

2.2 Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh

(1) Về sự cần thiết điều chỉnh: Dự án Bảo tàng tỉnh Cao Bằng là dự án nhóm B có thời gian khởi công hoàn thành 2019 - 2023. Theo khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công số ngày 13/6/2019 quy định thời gian bố trí vốn thực hiện dự

án nhóm B không quá 04 năm. Dự án Bảo tàng tỉnh Cao Bằng thuộc nhóm B, sử dụng ngân sách địa phương đã được bố trí vốn thực hiện từ năm 2020 đến nay là 04 năm. Do vậy, để dự án tiếp tục được triển khai thực hiện theo quy định, cần thiết phải ban hành Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

(2) Tại Văn bản số 243/HĐND ngày 16/9/20219 về việc chủ trương đầu tư dự án: Bảo tàng tỉnh Cao Bằng là văn bản của Thường trực HĐND tỉnh Cao Bằng, bên cạnh đó, tại Văn bản trên ghi “*Thời gian thực hiện: Năm 2019-2023*”, Ban KT-NS đề nghị UBND chỉnh sửa lại nội dung điều chỉnh, cụ thể:

Nội dung điều chỉnh	Đã phê duyệt <i>(Tại Văn bản số 243/HĐND ngày 16/9/20219 của Thường trực HĐND tỉnh Cao Bằng)</i>	Điều chỉnh
Thời gian thực hiện	Năm 2019 - 2023	Năm 2019 - 2024

(3) Hiện nay số vốn còn thiếu cần bố trí cho dự án: Bảo tàng tỉnh Cao Bằng là 116.899,413 triệu đồng và dự kiến bố trí từ Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh, Ban KT-NS đề nghị UBND tỉnh cần xem xét kỹ nguồn vốn dự kiến bố trí có khả thi không? cho biết tiến độ hiện tại của dự án và khẳng định đã rà soát toàn bộ nội dung cần điều chỉnh, sẽ hoàn thành dự án trong năm 2024.

Ban KT - NS trình Kỳ họp xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra đối với các Báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 17 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2023) HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026. Ban KT-NS HĐND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu tham dự kỳ họp;
- Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

La Văn Hồng